

Một số vấn đề trong chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long

Nguyễn Minh Sang

Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng

Tóm tắt: Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm của cả nước. Theo đó, số lượng lao động nông nghiệp, nông thôn cũng có vai trò quan trọng trong việc đóng góp vào quá trình này. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đang đặt ra nhiều thách thức cho Vùng, đặc biệt là trong vấn đề chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn.

Từ khóa: Dịch chuyển cơ cấu, lao động nông nghiệp, nông thôn.

1. Kết quả đạt được

Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long đã mang lại một số kết quả tích cực, đó là:

Một là, cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, giải phóng lao động vốn dư thừa từ nông nghiệp, bổ sung nhân lực cho công nghiệp và dịch vụ, chuyển đổi nghề nghiệp. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, dân số vùng ĐBSCL năm 2015 là khoảng 24 triệu người, chiếm gần 20% dân số cả nước. Trong đó, lực lượng lao động là khoảng 17,6 triệu người (58% dân số). Theo tổng hợp của tác giả về lao động, việc làm của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê cho thấy, trong giai đoạn 2005-2015, lực lượng lao động nông thôn ở ĐBSCL, chủ yếu là nông dân rời đồng ruộng di chuyển ra thành thị làm việc ngày càng gia tăng. Trung bình mỗi năm có khoảng 110 nghìn lao động từ nông thôn ra làm việc ở thành thị (Bảng 1).

Bảng 1: Chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành thị, 2005-2015

Đơn vị: người

	Đồng bằng sông Cửu Long	Thành thị	Nông thôn
2005	16.859,3	3.443,1	13.416,2
2006	16.946,9	3.520,8	13.426,1
2007	17.042,0	3.590,8	13.451,2
2008	17.129,5	3.689,1	13.440,4
2009	17.199,9	3.942,8	13.257,1
2010	17.255,4	4.067,0	13.188,4
2011	17.322,3	4.204,3	13.118,0
2012	17.398,5	4.266,9	13.171,9
2013	17.478,9	4.287,1	13.199,8
2014	17.517,6	4.361,5	13.156,0
2015	17.598,4	4.584,2	13.014,2

Nguồn: Số liệu của Bộ LĐ, TB-XH; Tổng cục Thống kê

Xu hướng này diễn ra khắp các địa phương của cả vùng ĐBSCL, những địa bàn có lao động nông thôn di chuyển nhiều nhất là Tiền Giang, Long An, TP. Cần Thơ. Địa bàn đến chủ yếu là TP. Hồ Chí Minh, tiếp đó là thành phố có các khu công nghiệp vùng Đông Nam Bộ, nhất là các thành phố, thị xã có nhiều khu công nghiệp, như: Biên Hòa, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bên cạnh đó, giai đoạn 2005-2015, lao động trong ở ĐBSCL cũng có sự dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng ở khu vực nông nghiệp, tăng tỷ trọng ở khu vực công nghiệp, dịch vụ (Bảng 2).

Bảng 2: Tỷ trọng lao động ở Đồng bằng sông Cửu Long, 2005-2015

Đơn vị: %

	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
2005	60,61	12,15	26,02
2006	61,20	12,90	26,71
2007	58,03	13,07	27,03
2008	57,66	13,78	27,56
2009	56,14	14,05	27,95
2010	55,89	14,50	28,05
2011	53,90	14,98	29,47
2012	53,01	15,56	30,04
2013	52,78	15,79	30,26
2014	51,29	16,02	31,79
2015	50,80	16,71	32,50

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Điều đó cho thấy, ở ĐBSCL, cơ cấu lao động theo ngành có sự biến đổi theo xu hướng tích cực, giảm tỷ lệ lao động trong nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động trong công nghiệp và dịch vụ. Đây là xu hướng mới và tích cực về chuyển dịch lao động ở ĐBSCL, phản ánh kết quả thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của các tỉnh ĐBSCL.

Hai là, chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng theo xu hướng tiến bộ kỹ thuật, liên kết "4 nhà" được áp dụng rộng rãi, đã góp phần làm tăng năng suất lao động và tăng thu nhập.

Vùng ĐBSCL có diện tích gần 40.000 km², có lợi thế đặc biệt về sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Hàng năm, toàn vùng đóng góp khoảng 27% GDP của cả nước, sản xuất hơn 50% tổng sản lượng lương thực, đóng góp hơn 90% lượng gạo xuất khẩu, thu ngoại tệ khoảng 3 tỷ USD. Sản xuất lúa gạo, cây ăn trái và thủy sản là thế mạnh của ĐBSCL, đã góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, gia tăng kim ngạch xuất khẩu cho cả nước, nâng cao đời sống vật chất, tạo cơ hội việc làm cho cư dân ở khu vực nông thôn.

Một trong những nguyên nhân tạo nên thành tựu trong sản xuất nông nghiệp của ĐBSCL là nhờ người nông dân ngày càng tiếp cận và ứng dụng nhanh hơn với những tiến bộ khoa học, công nghệ. Đặc biệt gần đây, chủ trương liên kết “4 nhà” trong sản xuất nông nghiệp đã được các địa phương quan tâm thúc đẩy, mà điển hình là sự thành công bước đầu của mô hình “Cánh đồng lớn”. Với thực tế sản xuất nông nghiệp còn manh mún, quy mô nhỏ lẻ, thiếu sự gắn kết giữa doanh nghiệp với nông dân thì mô hình “Cánh đồng lớn” đang được xem là một trong những mô hình liên kết đạt hiệu quả cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Theo tính toán, mỗi hecta lúa tham gia trong “Cánh đồng lớn” người nông dân có thể giảm được chi phí sản xuất 5%-10%, giá trị sản lượng tăng lên 20%-25%, thu lợi nhuận thêm 2,2-7,5 triệu đồng (Nguyễn Phong Quang, 2015). Mô hình này không chỉ giới hạn ở sản xuất lúa mà còn được áp dụng đối với nhiều mô hình sản xuất khác, như: mía đường, cà phê, điều, chè, nuôi trồng thủy sản, rau quả an toàn...

Ba là, tăng cường công tác dạy nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn, nhờ đó, góp phần giảm nghèo nhanh chóng, cải thiện đời sống người lao động nông thôn.

Theo Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, tính đến hết năm 2015, các tỉnh trong Vùng đã huy động 369 cơ sở dạy nghề, trong đó có 1 trường đại học, 13 trường cao đẳng, 37 trường trung cấp, 129 trung tâm dạy nghề và 189 cơ sở tư nhân tham gia dạy nghề cho khoảng 2,4 triệu lao động. Bên cạnh đó, các tỉnh thực hiện 11.000 dự án nhỏ tạo việc làm cho 110.000 lao động với tổng vốn cho vay 209.000 tỷ đồng, góp phần nâng tổng số lao động được giải quyết việc làm trong năm 2015 trên 410.000 người, tăng 6% so năm 2014. Tính đến cuối năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo toàn Vùng giảm còn khoảng 3,54% (cả nước còn dưới 4,5%). Trong đó, có 8/13 địa phương có tỷ lệ hộ nghèo thấp (dưới 5%); một số tỉnh có mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt cao, như: Sóc Trăng (khoảng 4,5%), Bạc Liêu (khoảng 4,5%), Trà Vinh (khoảng 3,3%). Thu nhập bình quân đầu người trong Vùng đạt 43 triệu đồng, tăng 13,1% so năm 2014.

2. Những vấn đề đặt ra

Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn vẫn còn những hạn chế cơ bản.

Thứ nhất, năng suất lao động nông nghiệp của cả nước nói chung, của Vùng nói riêng còn thấp. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, mặc dù lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm hơn 46% tổng số lao động chung, nhưng năng suất lao động của khu vực này vẫn rất thấp, chỉ tạo ra khoảng 31,1 triệu đồng/lao động trong năm 2015 (theo giá hiện hành), bằng 39,2% mức năng suất chung của toàn nền kinh tế. Trong khi đó, năng suất lao động khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ lớn hơn nhiều lần khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (Bảng 3).

Bảng 3: Năng suất lao động của các khu vực kinh tế theo giá hiện hành
Đơn vị: Triệu đồng/lao động

	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Nông, lâm và thủy sản	16,8	22,9	26,2	27,0	29,2	31,1
Vùng nghiệp và xây dựng	80,3	98,3	115,0	123,9	135,0	133,6
Dịch vụ	63,8	76,5	83,7	92,8	99,9	106,6
Tổng số	44,0	55,2	63,1	68,7	74,7	79,3

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Năng suất lao động thấp ở khu vực nông nghiệp đã ảnh hưởng tới năng suất lao động chung toàn nền kinh tế, đóng góp vào tổng sản phẩm nội địa (GDP) chỉ từ 18%-20%, trong khi đó, công nghiệp và xây dựng đóng góp khoảng trên 38% và phần còn lại từ 42%-44% do dịch vụ mang lại.

Những con số trên của nông nghiệp cả nước cũng phản ánh “bức tranh” năng suất lao động nông nghiệp của Vùng ĐBSCL.

Thứ hai, những năm gần đây, kinh tế ĐBSCL chuyển dịch dần sang công nghiệp và thương mại, dịch vụ, nhưng tốc độ chuyển dịch chậm hơn so với các vùng khác trong cả nước. Mặc dù có sự chuyển dịch về cơ cấu ngành nghề qua các năm nhưng nông nghiệp hiện vẫn còn chiếm gần 50% việc làm của lao động từ 15 tuổi trở lên trong Vùng, các hoạt động công nghiệp chế biến chỉ chiếm 11,9%, lĩnh vực dịch vụ chủ yếu tập trung trong các hoạt động thương nghiệp, chiếm 14,9% việc làm. Có thể thấy, tính chất thuần nông vẫn là đặc thù của Vùng, điều đó cũng đi kèm với năng suất lao động thấp, thu nhập thấp. Đồng thời, con số trên cũng đặt ra nhiều dấu chấm hỏi đối với việc dịch chuyển lao động khi việc làm phi nông nghiệp dưới hình thức thuê mướn lao động chậm phát triển ở khu vực này. Khi quy mô tích lũy của người dân không nhiều thì khả năng thuê mướn thêm lao động từ hình thức tự tạo việc làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp của các hộ là rất thấp. Do đó, càng hạn chế đối với việc nâng cao thu nhập và nhất là quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế đối với người nghèo còn rất chậm.

Thứ ba, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn chưa bền vững cả về việc làm, chất lượng lao động, thu nhập, vị thế, điều kiện làm việc và an sinh xã hội.

Mặc dù có sự chuyển dịch lao động tích cực, nhưng thu nhập bình quân đầu người của Vùng lại nghèo hơn mức bình quân của cả nước. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2015, thu nhập bình quân đầu người của Vùng ở mức 40,2 triệu đồng, trong khi cả nước là 47,9 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và cả nghèo đa chiều trầm trọng đều tập trung đông nhất ở vùng ĐBSCL, tương ứng chiếm khoảng 38% trong tổng số hộ cùng loại của cả nước. Hầu hết lao động nông nghiệp, nông thôn (trên 90%) vẫn thuộc khu vực phi chính thức chịu nhiều rủi ro và dễ bị tổn thương, đặc biệt lao động di cư gặp rất nhiều khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và hội nhập với dân bản địa trong quá trình di cư nông thôn - thành thị.

Chưa kể, những rủi ro trong sản xuất nông nghiệp, như: giá sản phẩm bấp bênh, dịch bệnh “được mùa,

mất giá” làm thu nhập của người dân thường xuyên gặp rủi ro, dù là Vùng chiếm 90% sản lượng xuất khẩu gạo của một nước xuất khẩu gạo đứng thứ 2 thế giới. Trong khi đó, cơ sở sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp của Vùng cũng khá ít, việc kinh doanh ở địa phương phát triển chậm, các trung tâm dịch vụ việc làm còn thiếu, nên người dân gặp không ít trở ngại trong quá trình tìm kiếm việc làm phù hợp ở trong và ngoài địa phương.

Hơn nữa, biến đổi khí hậu cũng đe dọa hoạt động sản xuất nông nghiệp vốn là sinh kế chủ yếu của người dân nơi đây và hệ quả là gia tăng tình trạng nghèo và tái nghèo tại khu vực này. Ngoài ra, chất lượng lao động ở ĐBSCL hiện rất thấp so với tất cả các vùng khác trong cả nước, xét về mặt trình độ học vấn, chuyên môn đào tạo. Theo kết quả nghiên cứu năm 2015 của Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL (Trường Đại học Cần Thơ) và Trường Quản lý, Đại học RMIT (Úc) cho thấy, lao động đã qua đào tạo ở khu vực nông thôn của Vùng chỉ chiếm khoảng 6%, trong đó, số lao động có trình độ cao đẳng chỉ chiếm khoảng 3%. Tiền lương của một lao động ở mức 3,32 triệu đồng/tháng, thấp nhất cả nước (mức bình quân chung cả nước là 4,44 triệu đồng/tháng/người).

3. Một số giải pháp

Nhằm hóa giải phần nào những thách thức trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn ở ĐBSCL, theo chúng tôi, cần thực hiện có hiệu quả một số giải pháp trọng tâm như sau:

(i) Chú trọng phát triển các mô hình hợp tác trong nông nghiệp, tăng cường cơ giới hóa các khâu của quy trình sản xuất nông nghiệp; phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản, vận chuyển sau thu hoạch nhằm thực hiện cơ khí hóa nông nghiệp và điện khí hóa nông thôn. Phát triển kinh tế hộ bằng cách khuyến khích các hộ nông dân, các trang trại, các thành phần kinh tế tham gia liên kết với nhau, hình thành các tổ chức, các hình thức hợp tác để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh thu hút và hỗ trợ các gia đình còn khó khăn. Xây dựng chính sách ưu tiên đầu tư như bảo hộ sản phẩm, mở rộng các hình thức huy động vốn như cổ phần hóa các hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh,... nhằm tạo điều kiện cho người lao động, các tổ chức, các thành phần kinh tế góp vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tăng nhanh giá trị hàng hóa.

(ii) Tăng cường liên kết “4 nhà” trong sản xuất nông nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi tạo đột phá về năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông sản. Phát triển thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản làm cơ sở cho việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn có hiệu quả. Trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế trong khu vực nông thôn, xây dựng kế hoạch phát triển từng loại hình dịch vụ trong nông thôn như dịch vụ nông

nghiệp; dịch vụ thương mại; dịch vụ kỹ thuật. Làm tốt công tác nghiên cứu dự báo thông tin thị trường cho nông dân và doanh nghiệp.

(iii) Nâng cao chất lượng nhân lực của Vùng thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực phục vụ cho phát triển nông nghiệp. Gắn quá trình đào tạo nghề cho người nghèo với tìm kiếm việc làm để tạo động lực thu hút người nghèo học nghề. Các địa phương trong Vùng chuyển dịch lao động chậm hơn cần có phương sách vận động và tuyên truyền sâu rộng để người dân nhận thức được vai trò quyết định của nhân lực trong quá trình tạo việc làm, nâng cao năng suất và thu nhập ở nông thôn. Các nghề đào tạo cần bám sát nhu cầu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cụ thể theo từng nhóm ngành hàng để tránh lãng phí do tình trạng học nghề xong vẫn không làm được nghề mình được đào tạo hoặc có việc làm nhưng vẫn nghèo. Đặc biệt, cần đẩy nhanh tốc độ nâng cao dân trí cho người dân trong Vùng, nhất là cộng đồng dân tộc Khmer; hướng dẫn, khuyến khích đồng bào thay đổi tập tục lạc hậu trong sinh hoạt và sản xuất.

(iv) Gấp rút tiến hành cải cách kích cầu việc làm phi nông nghiệp. Hộ nghèo ít đất, hoặc không có đất ngày càng phổ biến, đặc biệt tại ĐBSCL. Vì vậy, Vùng cần chú trọng hơn nữa đến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho đầu tư phát triển và sản xuất, kinh doanh cho các thành phần kinh tế trên địa bàn để thu hút các nguồn lực đầu tư. Khuyến khích và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, kinh tế tư nhân trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm cho người lao động./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2005-2015). Số liệu thống kê việc làm — thất nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2005-2015
2. Tổng cục Thống kê (2005-2015). Số liệu thống kê lao động — việc làm — thất nghiệp giai đoạn 2005-2015
3. Thành ủy TP. Cần Thơ - Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ - Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản (2014). Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ĐBSCL - 30 năm nhìn lại, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, ngày 19/05/2014, TP. Cần Thơ
4. Lê Thanh Ngọc, Trần Kim Long (2016). Về bức tranh nghèo đói ở ĐBSCL, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 12/2016
5. Nguyễn Phong Quang (2015). Cơ cấu lại và phát triển bền vững nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở liên kết vùng, truy cập từ <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=34159&print=true>